

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 7/2021/TLST-HNGĐ ngày 5/01/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Lê Thị O, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp P, xã PN, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

* *Bị đơn*: Trần Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp P, xã PN, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2020, nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày: Vào năm 2010 chị với anh Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 8/12/2010. Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Trần Khánh T, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Trần Hạo N, sinh ngày 13/10/2018, hiện nay các cháu đang sống chung với chị O. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn,

thường xuyên cãi nhau và anh chị đã không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh L, xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị O.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị O và anh L được ly hôn, giao con chung cho chị O nuôi, anh L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh vắng mặt đến lần thứ ba mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị O và anh L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2010 chị Lê Thị O với anh Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 8/12/2010. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị O cho rằng sau một thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh L. Thấy rằng: Hôn nhân giữa chị O và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian đủ lâu nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, cho chị và anh L được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị O và anh L có hai con chung là cháu Trần Khánh T, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Trần Hạo N, sinh ngày 13/10/2018, hiện nay các cháu đang sống chung với chị O. Chị O yêu cầu được nuôi các cháu đến tuổi trưởng thành, anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Hai cháu đã sống chung với chị O đã lâu, tình cảm gắn bó, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Để các cháu ổn định tâm lý và môi trường sống, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các cháu

cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của anh với chị O. Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “*Mức cấp dưỡng cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Do chị O và anh L không có thỏa thuận về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của các cháu, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu là phù hợp thực tế tại địa phương. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày tuyên án cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị O.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị O được ly hôn với anh Trần Văn L.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Khánh T, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Trần Hạo N, sinh ngày 13/10/2018 cho chị Lê Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khánh T và cháu Trần Hạo N mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu (02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án (02/7/2021) cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành. Nghĩa vụ cấp dưỡng này được thi hành ngay.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn L, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008754 ngày 5/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị O đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trần Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm